

**NGHỊ QUYẾT**

**Về phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển;  
nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công  
nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 tỉnh Quảng Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH  
KHÓA XIII - KỲ HỌP THỨ 21**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản pháp luật năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Đầu tư công năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 7967/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Nghị quyết phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Quảng Ninh; Báo cáo thẩm tra số 887/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 248/BC-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu, giải trình dự thảo Nghị quyết phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Quảng Ninh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

Thông qua Nghị quyết về phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Quảng Ninh với những nội dung chủ yếu như sau:

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết về phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 tỉnh Quảng Ninh.

## 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư công, quản lý, sử dụng vốn đầu tư công.

### **Điều 2.** Phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển giai đoạn 2021 - 2025

#### 1. Nguyên tắc phân cấp

a) Đảm bảo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của từng cấp chính quyền địa phương.

b) Phân cấp rõ nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách; phân cấp nhiệm vụ chi cho cấp huyện trên cơ sở nguồn lực thực có, chủ động sắp xếp lồng ghép cùng với các nguồn thu ngân sách được để lại, các chương trình mục tiêu từ tỉnh đầu tư trên cơ sở nhu cầu thực tiễn, sự cấp thiết, cấp bách, có trọng tâm trọng điểm, có hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn vì mục tiêu hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020 -2025.

c) Phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư không bao gồm các nhiệm vụ chi sửa chữa, bảo trì tài sản, mua sắm tài sản, các nhiệm vụ chi khác phục vụ công tác chuyên môn của cơ quan, đơn vị từ nguồn kinh phí thường xuyên được cơ quan có thẩm quyền giao hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

d) Các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình đầu tư công thực hiện phân cấp nhiệm vụ chi theo quy định của Chương trình.

e) Đối với các chương trình, dự án không xác định rõ trong danh mục nhiệm vụ chi đầu tư cấp tỉnh, cấp huyện, thực hiện phân cấp nhiệm vụ chi theo phân cấp quản lý hiện hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### 2. Nội dung phân cấp

a) Danh mục nhiệm vụ chi đầu tư công của ngân sách cấp tỉnh gồm:

- Quốc phòng:

+ Đầu tư các công trình, dự án cấp tỉnh trong lĩnh vực quốc phòng theo quy định tại Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và Nghị định số 21/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về khu vực phòng thủ.

+ Hỗ trợ đầu tư các công trình, dự án lĩnh vực quốc phòng thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực an ninh.

- An ninh và trật tự, an toàn xã hội:

+ Đầu tư các công trình, dự án đảm bảo hoạt động của công an xã đối với các địa phương chưa tự cân đối ngân sách.

+ Hỗ trợ đầu tư các công trình, dự án lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực an ninh.

- Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp:

+ Các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề thuộc tỉnh, trường đào tạo cán bộ của tỉnh, trung tâm hướng nghiệp và giáo dục thường xuyên tỉnh, trường thể dục thể thao cấp tỉnh, trường trung học phổ thông (không bao gồm các trường trung học phổ thông trên địa bàn các thành phố, thị xã); Các trường chuyên biệt thuộc tỉnh quản lý.

+ Chương trình đầu tư nâng cấp hạ tầng cơ sở vật chất, trường, lớp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

- Khoa học, công nghệ: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ phục vụ mục tiêu:

+ Phát triển khoa học, công nghệ, thí nghiệm, thực nghiệm, phân tích, kiểm định, kiểm nghiệm, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng.

+ Sở hữu trí tuệ, thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật.

+ Ứng dụng chuyển giao công nghệ thuộc các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý.

+ Trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, hỗ trợ phát triển công nghiệp.

- Y tế, dân số và gia đình:

+ Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa của tỉnh, đa khoa khu vực; trung tâm y tế huyện; hệ thống các trung tâm y tế dự phòng cấp tỉnh; phòng khám đa khoa khu vực.

+ Giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần.

+ Kiểm định, kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm và các hoạt động khác thuộc lĩnh vực y tế.

+ Dân số, gia đình, sức khỏe sinh sản.

+ Vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Văn hóa, thông tin, phát thanh, truyền hình, thông tấn, thể dục thể thao:

+ Công trình di tích cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt, các di sản văn hóa phi vật thể.

+ Phát triển văn học nghệ thuật, điện ảnh, thư viện, bảo tàng, văn hóa cơ sở, các loại hình nghệ thuật biểu diễn do tỉnh quản lý.

- + Hệ thống thiết chế văn hóa, các công trình văn hóa cấp tỉnh.
- + Dự án phát thanh truyền hình của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý.
- + Công trình thể dục, thể thao cấp tỉnh.
- + Công trình tượng đài, tranh hoành tráng; công trình lưu niệm sự kiện, lưu niệm danh nhân do cấp tỉnh quản lý.
- Bảo vệ môi trường:
  - + Quan trắc, cảnh báo môi trường, bảo vệ tài nguyên và môi trường, khắc phục ô nhiễm môi trường.
  - + Tăng trưởng xanh.
  - + Ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.
  - + Đo đạc và bản đồ, khí tượng thủy văn, thăm dò địa chất, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.
  - + Điều tra, khảo sát, thống kê, đánh giá bảo vệ tài nguyên và môi trường, ứng phó sự cố và khắc phục ô nhiễm môi trường.
- Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản:
  - + Đầu tư các công trình thủy lợi thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và giao các doanh nghiệp nhà nước quản lý, khai thác và bảo vệ theo quy định phân cấp.
  - + Đê cấp III, IV (bao gồm cả cống dưới đê).
  - + Hồ chứa nước, đập dâng nước, trạm bơm tưới, tiêu có quy mô từ cấp III trở lên và kênh mương loại II theo quy định (bao gồm cả công trình phụ trợ);
  - + Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cấp tỉnh theo quy hoạch đã được phê duyệt.
  - + Hạ tầng thiết yếu vùng sản xuất nuôi trồng (thủy sản, nông nghiệp, lâm nghiệp), vùng sản xuất giống tập trung cấp tỉnh quản lý.
- + Khu bảo tồn: Vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan; các hình thức khác của rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; khu bảo tồn biển; khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; phòng chống cháy rừng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh.
- Công nghiệp: Cấp điện nông thôn, miền núi, hải đảo.
- Giao thông: Đường giao thông thuộc tỉnh quản lý; đường giao thông liên huyện. Hạ tầng giao thông đường thủy nội địa, cảng biển địa phương thuộc cấp tỉnh quản lý.
- Khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu kinh tế: Đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng đến chân hàng rào: Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp lâm nghiệp thủy sản ứng dụng công nghệ cao và khu chức năng trong khu kinh tế.
- Thương mại: Hỗ trợ đầu tư xây dựng các chợ đầu mối nông sản, thực phẩm và chợ hạng 2 ở địa bàn nông thôn, miền núi, hải đảo.



- Cấp nước, thoát nước: Công trình cấp nước, thoát nước và xử lý chất thải, nước thải thuộc cấp tỉnh quản lý.

- Du lịch: Đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm phát triển du lịch bền vững tại các khu du lịch cấp quốc gia.

- Công nghệ thông tin: Hạ tầng thông tin số; kinh tế số; hiện đại hóa công nghệ thông tin trong cơ quan Đảng, Nhà nước cấp tỉnh; Ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, số hóa, cơ sở dữ liệu; các nền tảng ứng dụng, dịch vụ của tỉnh, quốc gia dùng chung; an toàn thông tin, an ninh mạng thuộc các sở, ban, ngành thuộc tỉnh quản lý.

- Quy hoạch: Quy hoạch tỉnh; Quy hoạch các khu kinh tế.

- Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ.

- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp trụ sở, nhà công vụ, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh quản lý.

- Xã hội:

+ Xây dựng, cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị của các đơn vị: Trung tâm (cơ sở) làm nhiệm vụ nuôi dưỡng, điều trị, chữa bệnh và dạy nghề cho các đối tượng xã hội (trẻ mồ côi, trẻ có hoàn cảnh đặc biệt, người tàn tật, người già không nơi nương tựa, người cai nghiện ma túy, người tâm thần, bảo trợ xã hội, điều dưỡng người có công, trợ giúp xã hội, dịch vụ việc làm) do tỉnh quản lý.

+ Công trình ghi công liệt sĩ cấp tỉnh quản lý.

- Hỗ trợ đầu tư cho các huyện khó khăn, chưa tự cân đối ngân sách một số dự án phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh thực sự cần thiết thuộc nhiệm vụ ngân sách cấp huyện nhằm thu hẹp dần khoảng cách giữa các huyện.

b) Danh mục nhiệm vụ chi đầu tư công của ngân sách cấp huyện gồm:

- Quốc phòng: Đầu tư các công trình thuộc thành phần thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ cấp huyện theo quy định tại Nghị định số 21/2019/NĐ - CP ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về khu vực phòng thủ.

- An ninh và trật tự, an toàn xã hội: Đầu tư các công trình, dự án đảm bảo hoạt động của công an xã đối với các huyện tự cân đối ngân sách.

- Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên cấp huyện, trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện, trường

mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở, trường phổ thông dân tộc bán trú, nội trú cấp huyện; trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố, thị xã.

- Khoa học, công nghệ: Ứng dụng chuyển giao công nghệ phục vụ cho các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý. Hỗ trợ hạ tầng vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cấp huyện quản lý.

- Y tế, dân số và gia đình: Đầu tư cơ sở vật chất trạm y tế xã, phường, thị trấn.

- Văn hóa, thông tin, phát thanh, truyền hình, thông tấn, thể dục thể thao:

+ Công trình di tích cấp tỉnh thuộc địa bàn.

+ Phát triển văn học nghệ thuật, điện ảnh, thư viện, bảo tàng, văn hóa cơ sở, các loại hình nghệ thuật biểu diễn do huyện quản lý.

+ Hệ thống thiết chế văn hóa, các công trình văn hóa cấp huyện.

+ Dự án phát thanh truyền hình của cơ quan, đơn vị cấp huyện quản lý.

+ Công trình thể dục, thể thao cấp huyện.

- Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản:

+ Đê cấp V; hồ chứa nước, đập dâng nước, trạm bơm tưới tiêu có quy cấp IV, V; kênh mương loại III theo quy định.

+ Công trình thủy lợi do cấp huyện quản lý.

+ Hạ tầng thiết yếu vùng sản xuất nông nghiệp (thủy sản, nông nghiệp, lâm nghiệp) tập trung cấp huyện quản lý.

+ Hỗ trợ trồng rừng sản xuất theo chính sách tại Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Bố trí sắp xếp dân cư vùng biên giới, hải đảo, vùng thiên tai.

- Giao thông: Đường giao thông thuộc huyện quản lý.

- Đầu tư hạ tầng đến chân hàng rào và đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp, làng nghề địa phương.

- Thương mại: Hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ dân sinh (chợ hạng 3 do xã, phường quản lý) ở địa bàn nông thôn, miền núi, hải đảo.

- Cấp nước, thoát nước: Công trình cấp nước, thoát nước và xử lý chất thải, nước thải thuộc cấp huyện quản lý.

- Du lịch: Đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm phát triển du lịch bền vững tại các khu du lịch cấp tỉnh trên địa bàn do huyện quản lý; Đầu tư dự án hạ tầng nhằm phát triển du lịch bền vững tại khu, điểm, địa bàn du lịch do huyện quản lý.

- Công nghệ thông tin: Hạ tầng thông tin số; kinh tế số; hiện đại hóa công nghệ thông tin trong cơ quan Đảng, Nhà nước cấp huyện; Ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, số hóa, cơ sở dữ liệu; các nền tảng ứng dụng, dịch vụ của huyện; an toàn thông tin, an ninh mạng thuộc cấp huyện quản lý.

- Công trình công cộng tại các đô thị: Điện chiếu sáng, cây xanh....

- Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP do địa phương phê duyệt.

- Hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp trụ sở, nhà công vụ, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện quản lý.

- Xã hội: Công trình ghi công liệt sĩ cấp huyện, cấp xã quản lý.

### 3. Xử lý chuyển tiếp

Các dự án đã được phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các quyết định đã được phê duyệt.

**Điều 3.** Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Quảng Ninh

1. Nguyên tắc chung và thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương

#### a) Nguyên tắc chung

- Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật; đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách cấp tỉnh; tăng số địa phương tự chủ, tự cân đối ngân sách, phát huy tính chủ động, năng động, sáng tạo gắn với trách nhiệm người đứng đầu các cấp.

- Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương phải nhằm tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính ngân sách, phục vụ thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển theo: Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch vay, trả nợ 05 năm, các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt, bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế và xã hội, nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV.

- Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương trong Kế hoạch tài chính 5 năm. Đẩy mạnh cơ cấu lại đầu tư công, tính toán hợp lý cơ cấu nguồn lực ngân sách tỉnh và địa phương, đảm bảo nhiệm vụ chi được cân đối của từng cấp ngân sách; đảm bảo khả năng tự cân đối vững chắc và tính chủ động của các địa phương tự cân đối ngân sách; huy động tối đa các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, đẩy mạnh việc thu hút các nguồn vốn xã hội để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng.

- Kiên trì thực hiện phương châm “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư”; ưu tiên bố trí, sử dụng vốn ngân sách nhà nước chỉ như là vốn môi để kích thích, khai thác tối đa nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác, đặc biệt là từ khu vực tư nhân, phát triển hình thức đối tác công - tư.

- Phân bổ vốn đầu tư tập trung, không phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, giảm tuyệt đối cơ chế “xin - cho”, “duyệt - cấp”. Chỉ giao kế hoạch vốn đối với các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan. Các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới phải đảm bảo thời gian bố trí vốn thực hiện theo quy định của pháp luật, phát huy hiệu quả sau đầu tư (dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm).

- Tập trung ưu tiên phân bổ vốn để thực hiện:

+ Đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia.

+ Chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững nhằm thực hiện thành công ba đột phá chiến lược của tỉnh đã được xác định tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2025; công trình, dự án trọng điểm ưu tiên bố trí vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

+ Các dự án bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân; phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh nguồn nước.

+ Ưu tiên phân bổ vốn cho các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các địa phương thuộc tỉnh.

+ Hoàn trả các khoản vốn ngân sách nhà nước ứng trước kế hoạch; các khoản vốn vay của ngân sách địa phương.

- Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

b) Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn ngân sách địa phương

- Phân bổ đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 Luật Đầu tư công.

- Phân bổ đủ vốn để hoàn trả vốn ứng trước kế hoạch nhưng chưa có nguồn để hoàn trả trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

- Phân bổ vốn cho dự án đã hoàn thành, quyết toán và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực



hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch.

- Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch.

- Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án.

- Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 51 của Luật Đầu tư công.

2. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh.

a) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn

Thực hiện theo quy định tại Điều 51 Luật Đầu tư công, nguyên tắc và thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương và các nguyên tắc, tiêu chí cụ thể sau:

- Bảo đảm tương quan hợp lý về cơ cấu phân bổ vốn:

- + Giữa các ngành, lĩnh vực;

- + Vốn thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án cụ thể theo các Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh;

- + Vốn hỗ trợ các địa phương.

- Vốn đầu tư công ngân sách tỉnh được phân bổ cho các chương trình, dự án đầu tư công thuộc nhiệm vụ chi ngân sách tỉnh theo quy định tại Nghị quyết này.

- Vốn đầu tư công ngân sách tỉnh chỉ xem xét hỗ trợ cho các huyện chưa tự cân đối ngân sách.

b) Cơ cấu phân bổ vốn ngân sách tỉnh

- Phân bổ cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể bao gồm:

- + Các dự án động lực, trọng điểm.

- + Các nhiệm vụ quy hoạch.

- + Các chương trình mục tiêu, các dự án đảm bảo an sinh xã hội theo Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh.

- + Nghĩa vụ thanh toán các chính sách sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định.

- Tùy vào điều kiện cụ thể của từng năm để xem xét phân bổ tối đa không quá 25% tổng số vốn chi xây dựng cơ bản (vốn tập trung trong nước) Trung ương giao đầu năm để hỗ trợ cho các địa phương chưa tự cân đối ngân sách.

3. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho các huyện

a) Nguyên tắc phân bổ vốn

- Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư công; Bảo đảm sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư nguồn ngân sách tỉnh, tạo điều kiện thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển.

- Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển các huyện trên địa bàn tỉnh; giữa các huyện có số thu lớn, khu vực đô thị với việc ưu tiên các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn khác để góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư của các huyện.

- Phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho các huyện chưa tự cân đối ngân sách theo tiêu chí chấm điểm để đầu tư các dự án động lực, trọng điểm có khả năng thu hút đầu tư và phục vụ an sinh xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện, đảm bảo theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Phân bổ vốn thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 31 tháng 12 năm 2020; vốn đối ứng; các dự án chuyển tiếp (trong đó ưu tiên các dự án đã bố trí vốn từ nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các địa phương theo tiêu chí chấm điểm từ giai đoạn trước chuyển sang).

+ Các dự án khởi công mới chỉ được xem xét sau khi đã thực hiện các nội dung ưu tiên nêu trên và đủ điều kiện cân đối kế hoạch vốn. Mỗi năm phân bổ vốn tối đa không quá 02 dự án khởi công mới; danh mục dự án khởi công mới hàng năm phải đảm bảo đúng mục tiêu định hướng phát triển của tỉnh và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh bằng văn bản trước khi triển khai các thủ tục đầu tư theo quy định.

#### b) Tiêu chí, định mức

Căn cứ vào các tiêu chí cụ thể sau để tính ra số điểm của từng huyện làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện theo các tiêu chí, công thức sau:

- Tiêu chí phân bổ vốn: Gồm 5 nhóm tiêu chí

+ Tiêu chí dân số, gồm: Số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số của các huyện.

+ Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm: Tỷ lệ hộ nghèo; số thu nội địa (không bao gồm số thu từ cấp quyền sử dụng đất) và tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện.

+ Tiêu chí diện tích, gồm: Diện tích đất tự nhiên, tỷ lệ che phủ rừng của các huyện.

+ Tiêu chí về đơn vị hành chính cấp xã, gồm: số đơn vị hành chính cấp xã; số xã miền núi; số xã vùng cao, hải đảo; số xã biên giới đất liền của từng huyện.

+ Tiêu chí bổ sung: Đô thị loại V.

- Xác định số điểm của từng tiêu chí:

+ Tiêu chí dân số: bao gồm số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số năm 2019. Cách tính cụ thể như sau:

*Điểm của tiêu chí dân số trung bình*

Số dân trung bình	Điểm
Đến 30.000 người	10

Trên 30.000 - 45.000, cứ 10.000 người tăng thêm được tính	2
Trên 45.000 - 60.000, cứ 10.000 người tăng thêm được tính	1
Trên 60.000, cứ 10.000 người tăng thêm được tính	0,5

(Dân số trung bình của tỉnh và các huyện để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Tổng cục Thống kê năm 2019)

*Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số*

Số người dân tộc thiểu số	Điểm
Cứ 13.900 người dân tộc thiểu số được tính	5

(Số người dân tộc thiểu số của các huyện để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Ban dân tộc năm 2019)

+ Tiêu chí về trình độ phát triển, bao gồm 03 tiêu chí: tỷ lệ hộ nghèo, số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất) và tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện. Cách tính cụ thể như sau:

*Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo*

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Cứ 0,13% hộ nghèo được tính	1

(Tỷ lệ hộ nghèo để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội)

*Điểm của tiêu chí thu nội địa (không bao gồm nguồn thu tiền sử dụng đất)*

Số thu nội địa	Điểm
Các địa phương có số thu nội địa từ 0 đến 30 tỷ đồng	4
Các địa phương có số thu nội địa trên 30 đến 60 tỷ đồng	3
Các địa phương có số thu nội địa trên 60 đến 120 tỷ đồng	2
Các địa phương có số thu nội địa trên 120 tỷ đồng	1

(Số liệu để tính điểm của tiêu chí thu nội địa căn cứ vào số thu nội địa (chỉ tính số tỉnh giao huyện thu) theo số dự toán hàng năm tỉnh giao cho các huyện)

*Điểm của tiêu chí tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho các huyện*

Tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh	Điểm
Các địa phương có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh từ 0% đến 70% được tính	10
Trên 70% đến 87%, cứ 2% bổ sung thêm được tính	5
Trên 87% đến 90%, cứ 2% tăng thêm được tính	3
Trên 90%, cứ 2% tăng thêm được tính	1

(Tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho các huyện để tính điểm căn cứ vào số liệu công bố của Sở Tài chính trên cơ sở số thu chi dự toán tỉnh giao cho các huyện hàng năm)

+ Tiêu chí diện tích: bao gồm diện tích đất tự nhiên và tỷ lệ che phủ rừng của các huyện. Cách tính cụ thể như sau:

*Điểm theo tiêu chí về diện tích đất tự nhiên:*

<b>Diện tích đất tự nhiên</b>	<b>Điểm</b>
Đến 320 km <sup>2</sup>	8
Trên 320km <sup>2</sup> - 490km <sup>2</sup> , cứ tăng 85km <sup>2</sup> được tính	4
trên 49km <sup>2</sup> - 590km <sup>2</sup> , cứ 85km <sup>2</sup> tăng thêm được tính	2
Trên 590km <sup>2</sup> , cứ 85km <sup>2</sup> tăng thêm được tính	0,5

(Diện tích đất tự nhiên của các huyện để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2020)

*Điểm theo tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương*

<b>Tỷ lệ che phủ rừng</b>	<b>Điểm</b>
Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng đến 56%	0,5
Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng trên 56% đến 59%	1
Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng trên 59% đến 62%	2
Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng trên 62%	3

(Tỷ lệ che phủ rừng của các huyện để xác định điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2020)

+ Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, gồm 04 tiêu chí: Đơn vị hành chính cấp xã (gồm xã, phường, thị trấn); xã miền núi; xã vùng cao, hải đảo; xã biên giới đất liền.

*Điểm theo tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã*

<b>Đơn vị hành chính cấp xã</b>	<b>Điểm</b>
Mỗi xã, phường, thị trấn được tính	0,5

(Số đơn vị hành chính cấp xã căn cứ vào số liệu công bố của Sở Nội vụ và Ban Dân tộc năm 2020)

*Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã miền núi*

<b>Đơn vị hành chính cấp xã miền núi</b>	<b>Điểm</b>
Mỗi đơn vị xã, phường, thị trấn được tính thêm	0,2

(Số liệu đơn vị hành chính cấp xã miền núi căn cứ vào số liệu công bố của Ban Dân tộc năm 2020)



*Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã vùng cao, hải đảo*

<b>Đơn vị hành chính cấp xã vùng cao, hải đảo</b>	<b>Điểm</b>
Mỗi đơn vị xã, phường, thị trấn được tính thêm	0,2

(Số liệu đơn vị hành chính cấp xã vùng cao, hải đảo căn cứ vào số liệu công bố của Sở Nội vụ và Ban Dân tộc năm 2020)

*Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã biên giới đất liền*

<b>Đơn vị hành chính cấp xã biên giới đất liền</b>	<b>Điểm</b>
Mỗi đơn vị xã, phường, thị trấn được tính thêm	2

(Số liệu đơn vị hành chính cấp xã biên giới đất liền căn cứ vào số liệu công bố của Sở Nội vụ năm 2020)

*Tiêu chí bổ sung đô thị loại V*

<b>Tiêu chí bổ sung</b>	<b>Điểm</b>
Các huyện là đô thị loại V được tính	20

(Số liệu phân loại đô thị loại V do Sở Xây dựng công bố năm 2020)

- Mức vốn đầu tư phát triển của từng huyện, thị xã, thành phố:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số vốn đầu} \\ \text{tư phát triển của} \\ \text{từng huyện} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng nguồn vốn} \\ \text{được phân bổ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số điểm của} \\ \text{từng huyện} \end{array}$$

**Điều 4.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

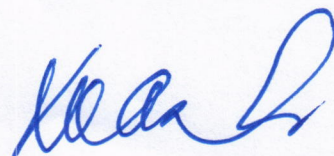
- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết; thực hiện rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy định đã ban hành để phù hợp với Nghị quyết này.

- Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XIII, Kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2020./.

**Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Ban CTĐB của UBND Quốc hội;
- Các bộ: Tài chính, KH&ĐT, Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội của tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIII;
- Các ban Đảng và VP Tỉnh ủy;
- UBNDTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Kỳ**